

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT - ĐỨC HÀ TỈNH



GIÁO TRÌNH

Môn học: Kiểm toán

Nghề: Kế toán doanh nghiệp

Trình độ: Trung cấp

Tài liệu lưu hành nội bộ

Năm 2017

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN	6
1. KHÁI NIỆM KIỂM TOÁN.....	6
1.1. CÁC QUAN ĐIỂM VỀ KIỂM TOÁN	6
1.1.1. KIỂM TOÁN LÀ KIỂM TRA ĐỘC LẬP VÀ BÀY TỎ Ý KIẾN.....	7
1.1.2. KIỂM TOÁN LÀ KIỂM TRA KẾ TOÁN.....	7
1.2.3. KIỂM TOÁN LÀ KHOA HỌC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.....	7
1.2. KHÁI NIỆM VỀ KIỂM TOÁN.....	8
2. CHỨC NĂNG CỦA KIỂM TOÁN.....	9
2.1. CHỨC NĂNG XÁC MINH.....	9
2.2. CHỨC NĂNG BÀY TỎ Ý KIẾN.....	10
3. Ý NGHĨA CỦA KIỂM TOÁN.....	10
3.1. KIỂM TOÁN GÓP PHẦN TẠO NIỀM TIN CHO NHỮNG NGƯỜI QUAN TÂM.....	10
3.2. KIỂM TOÁN GÓP PHẦN HƯỚNG NGHIỆP VỤ.....	11
3.3. KIỂM TOÁN GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ HIỆU NĂNG QUẢN LÝ.....	11
4. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI CỦA KIỂM TOÁN	12
4.1. MỤC ĐÍCH CỦA KIỂM TOÁN.....	12
4.2. PHẠM VI KIỂM TOÁN.....	13
5. CÁC LOẠI KIỂM TOÁN	14
5.1. PHÂN LOẠI KIỂM TOÁN THEO CHỨC NĂNG.....	14
5.1.1 KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG	14
5.1.2. KIỂM TOÁN TUẦN THỦ.....	14
5.1.3. KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH.....	15
5.2. PHÂN LOẠI KIỂM TOÁN THEO CHỦ THỂ KIỂM TOÁN.....	15
5.2.1. KIỂM TOÁN NỘI BỘ.....	15
5.2.2. KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC.....	16
5.2.3. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.....	16
6. KIỂM TOÁN VIÊN.....	17
6.1. KHÁI NIỆM.....	17
6.2. TIÊU CHUẨN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN.....	17
6.3. PHÂN LOẠI KIỂM TOÁN VIÊN	18
6.3.1. KIỂM TOÁN VIÊN NỘI BỘ.....	18
6.3.2. KIỂM TOÁN VIÊN NHÀ NƯỚC.....	18
6.3.3. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP.....	18
6.4. TRÁCH NHIỆM - QUYỀN HẠN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP.....	19
6.4.1. TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP.....	19
6.4.2. QUYỀN HẠN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	19

CHƯƠNG II. ĐỐI TƯỢNG VÀ CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN	20
1. ĐỐI TƯỢNG KIỂM TOÁN	20
1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ	20
1.1.1 ĐỐI TƯỢNG KIỂM TOÁN.....	20
1.1.2. KHÁCH THỂ KIỂM TOÁN	20
1.2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH - ĐỐI TƯỢNG CHUNG CỦA KIỂM TOÁN.....	20
1.3. TÀI LIỆU KẾ TOÁN - ĐỐI TƯỢNG CỤ THỂ CỦA KIỂM TOÁN.....	21
1.4. THỰC TRẠNG TÀI SẢN, NGHIỆP VỤ TÀI CHÍNH, ĐỐI TƯỢNG CỤ THỂ CỦA KIỂM TOÁN	22
1.5. HIỆU QUẢ, HIỆU NĂNG, ĐỐI TƯỢNG CỤ THỂ CỦA KIỂM TOÁN.	23
2. CƠ SỞ DẪN LIỆU, BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN VÀ HỒ SƠ KIỂM TOÁN	24
2.1. CƠ SỞ DẪN LIỆU	24
2.2. BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN	25
2.2.1 PHÂN LOẠI BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN	26
2.2.2. YÊU CẦU ĐỐI VỚI BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN	27
2.2.3. CÁC PHƯƠNG PHÁP THU THẬP BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN.....	29
2.3. HỒ SƠ KIỂM TOÁN	31
3. GIAN LẬN VÀ SAI SÓT.....	33
3.1. KHÁI NIỆM GIAN LẬN VÀ SAI SÓT, MỐI QUAN HỆ GIỮA GIAN LẬN VÀ SAI SÓT	33
3.2. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ GIAN LẬN VÀ SAI SÓT	34
3.3. TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỐI VỚI GIAN LẬN VÀ SAI SÓT	35
4. TRỌNG YẾU VÀ RỦI RO.....	37
4.1. TRỌNG YẾU.....	37
4.1.1 KHÁI NIỆM.....	37
4.1.2. XÉT ĐOÁN TÍNH TRỌNG YẾU	37
4.2. RỦI RO	40
4.2.1. KHÁI NIỆM.....	40
4.2.2. ĐÁNH GIÁ RỦI RO KIỂM TOÁN.....	40
4.2.3 CÁC LOẠI RỦI RO	40
4.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA TRỌNG YẾU VÀ RỦI RO	43
5. KHÁI NIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC	44
5.1. KHÁI NIỆM.....	44
5.2. TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN.....	45
6. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ.....	47
6.1. KHÁI NIỆM.....	47
6.2. CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ.....	47
6.2.1. MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT CHUNG.....	48
6.2.2. HỆ THỐNG KẾ TOÁN	50
6.2.3. CÁC LOẠI KIỂM SOÁT VÀ CÁC THỦ TỤC KIỂM SOÁT	50

7. CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN	52
7.1. KHÁI NIỆM.....	52
7.2. CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN VIỆT NAM.....	53
7.2.1. CHUẨN MỰC CHUNG	54
7.2.2. CHUẨN MỰC THỰC HÀNH	55
7.2.3. NHÓM CHUẨN MỰC BÁO CÁO	55
CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG CÁC PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN.....	58
1. KHÁI QUÁT HỆ THỐNG PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN.....	58
1.1. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN CƠ BẢN	58
1.1.1 PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT	58
1.1.2. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA CHI TIẾT CÁC NGHIỆP VỤ, SỐ DƯ CÁC TÀI KHOẢN.....	63
1.2. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN TUẦN THỦ	63
1.2.1. PHƯƠNG PHÁP KỸ THUẬT ĐIỀU TRA HỆ THỐNG	64
1.2.2. PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG CÁC THỬ NGHIỆM CHI TIẾT	64
2. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN CHỨNG TỪ	65
2.1. KIỂM TOÁN CÂN ĐỐI.....	65
2.2. ĐỐI CHIẾU LOGIC	66
2.3. ĐỐI CHIẾU TRỰC TIẾP	66
3. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN NGOÀI CHỨNG TỪ	67
3.1. KIỂM KÊ	67
3.2. THỰC NGHIỆM	68
3.3. ĐIỀU TRA	68
4. KỸ THUẬT LẤY MẪU KIỂM TOÁN.....	69
4.1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ CHỌN MẪU KIỂM TOÁN	69
4.2. PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU.....	70
4.2.1. CHỌN MẪU NGẪU NHIÊN.....	70
4.2.2. CHỌN MẪU PHI XÁC SUẤT.....	70
4.2.3. CHỌN MẪU PHÂN TẦNG (PHÂN TỶ).....	70
4.3. CHỌN MẪU THUỘC TÍNH.	70
4.4. CHỌN MẪU THEO ĐƠN VỊ TIỀN TỆ	70
CHƯƠNG 4. TRÌNH TỰ CÁC BƯỚC KIỂM TOÁN.....	72
1. MỤC TIÊU VÀ TRÌNH TỰ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN.....	72
1.1 MỤC TIÊU	72
1.2. TRÌNH TỰ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN	72
2. CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN	72
2.1.XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU, PHẠM VI KIỂM TOÁN	73
2.1.1 MỤC TIÊU KIỂM TOÁN.....	73
2.1.2 PHẠM VI KIỂM TOÁN.....	73

2.2. CHỈ ĐỊNH NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG VIỆC KIỂM TOÁN.....	74
2.3. THU THẬP THÔNG TIN.....	74
2.4. LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN.....	75
2.5. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TOÁN	76
3. THỰC HÀNH KIỂM TOÁN.....	76
3.1. NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG KẾ TOÁN, HỆ THỐNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ CÁC QUY CHẾ KIỂM SOÁT NỘI BỘ.....	77
3.2. KIỂM TOÁN CÁC BỘ PHẬN BÁO CÁO TÀI CHÍNH	79
3.3. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ.....	81
4. KẾT THÚC KIỂM TOÁN	81
4.1. LẬP BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	81
4.2. HOÀN CHỈNH HỒ SƠ KIỂM TOÁN.....	82
4.3. NGÀY GHI TRÊN BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ GIẢI QUYẾT CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	83
4.4. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN.....	85
PHỤ LỤC	87

LỜI NÓI ĐẦU

Chính thức có mặt tại Việt Nam từ năm 1991, hoạt động kiểm toán ở nước ta đã có những bước phát triển đáng kể cả về lý luận và thực hành kiểm toán. Hoạt động kiểm toán ngày càng được mở rộng, đồng thời các dịch vụ khác liên quan đến kiểm toán cũng có những bước phát triển mạnh mẽ.

Trong bối cảnh đó, Giáo trình “Kiểm toán” đã được biên soạn dựa trên chuẩn mực kế toán, kiểm toán và cơ sở hệ thống pháp lý có hiệu lực về kế toán, kiểm toán cũng như những lĩnh vực khác có liên quan.

Nhằm mục đích giúp cho sinh viên kế toán đang theo học tại trường cao đẳng nghề Việt Đức - Hà Tĩnh có được tài liệu kịp thời phục vụ nghiên cứu, học tập.

Hy vọng rằng cuốn sách không những cung cấp kiến thức về kiểm toán cho các bạn sinh viên trong và ngoài chuyên ngành kế toán mà còn là tài liệu cho những ai đang mong muốn tìm hiểu về hoạt động kiểm toán. Giáo trình này gồm 4 chương. Giới thiệu cho bạn đọc những kiến thức cơ bản, những khái niệm và quy trình của hoạt động kiểm toán

Giáo trình được biên soạn lần đầu, dù đã hết sức cố gắng cập nhật nhưng không tránh khỏi được những thiếu sót bất cập. Rất mong sự đóng góp của bạn đọc để giáo trình được hoàn thiện hơn.

Hà Tĩnh, ngày 01 tháng 8 năm 2011

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU

Chương I. TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN

1. Khái niệm kiểm toán

Trước năm 1975, dịch vụ kiểm toán độc lập của các công ty nước ngoài đã xuất hiện tại Việt Nam. Tháng 5 năm 1991, Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO) được thành lập theo giấy phép số 957 – PPLT của Hội đồng bộ trưởng và Quyết định số 165/TC-QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Tài chính và chính thức hoạt động từ tháng 7 năm 1991. Cũng trong năm này, Công ty Dịch vụ Tư vấn Kế toán và Kiểm toán (AASC) cũng ra đời. Đến cuối năm 1991 tổng số nhân viên của các công ty kiểm toán chỉ có 13 người.

Đến tháng 9 năm 2003, số công ty kiểm toán tại Việt Nam đã là 60 công ty, trong đó có 52 công ty đã đăng ký hoạt động tại Bộ Tài chính gồm: 4 doanh nghiệp nhà nước, 4 doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, 1 công ty liên doanh, 3 công ty cổ phần, 40 công ty TNHH với 68 văn phòng và chi nhánh ở các tỉnh, thành phố. Bộ Tài chính đã tổ chức 10 kỳ thi tuyển kiểm toán viên cho người Việt Nam, 4 kỳ thi sát hạch cho người nước ngoài, đã cấp 786 chứng chỉ kiểm toán viên cho 734 người Việt Nam và 52 người nước ngoài. Hiện nay, cả nước có hơn 2.850 nhân viên làm việc trong 52 công ty kiểm toán với hơn 2.195 nhân viên chuyên nghiệp. Trong 676 kiểm toán viên có 60 người Việt Nam và 52 người nước ngoài được cấp chứng chỉ kiểm toán viên quốc tế. Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc đã đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế ở Việt Nam và cấp chứng chỉ cho 61 người trong đó có 54 người Việt Nam.

Đến năm 1994 Kiểm toán nhà nước được thành lập theo Nghị định số 70/CP ngày 11/07/1994 của Chính phủ. Kiểm toán Nhà nước là cơ quan của Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ thực hiện chức năng kiểm tra, xác nhận tính đúng đắn, hợp pháp của tài liệu, số liệu kế toán, báo cáo quyết toán của các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, đơn vị kinh tế nhà nước và các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp.

Đến năm 2003, Kiểm toán Nhà nước hoạt động theo Nghị định số 93/2003/NĐ-CP ngày 13/08/2003 của Chính phủ, theo nghị định này Kiểm toán Nhà nước mở rộng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức.

Từ ngày 01/01/2006 Luật Kiểm toán Nhà nước có hiệu lực, làm thay đổi đại vị pháp lý của Kiểm toán Nhà nước có những thay đổi cơ bản: “Kiểm toán Nhà nước là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kiểm tra tài chính nhà nước do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân thủ theo pháp luật”.

1.1. Các quan điểm về kiểm toán

Các nhà nghiên cứu lịch sử cho rằng, kiểm toán ra đời vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên từ thời La Mã cổ đại. Vì vậy, kiểm toán có nguồn gốc từ Latinh “Audit” gắn liền

với nền văn minh của Ai Cập và La Mã cổ đại. Kiểm toán phát triển mạnh mẽ từ giữa thế kỷ 19, hình ảnh kiểm toán cổ điển thường được tiến hành bằng cách người ghi chép về tài sản đọc to lên cho một bên độc lập “nghe” rồi sau đó chấp nhận thông qua việc chứng thực. Trong Latinh từ “Audit” có nghĩa là “nghe”. Ở Việt Nam, thuật ngữ “kiểm toán” xuất hiện và được sử dụng nhiều từ đầu những năm 1990. Trước năm 1975, ở miền Nam Việt Nam đã có các hoạt động của các công ty kiểm toán nước ngoài. Cho đến nay, ở trên thế giới cũng như tại Việt Nam vẫn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về kiểm toán.

1.1.1. Kiểm toán là kiểm tra độc lập và bày tỏ ý kiến

Tại Anh người ta định nghĩa: “Kiểm toán là sự kiểm tra độc lập và là sự bày tỏ ý kiến về những bản khai tài chính của một xí nghiệp do một kiểm toán viên được bổ nhiệm để thực hiện việc đó theo đúng với bất cứ nghĩa vụ pháp định có liên quan”.

Còn quan điểm về kiểm toán ở Pháp như sau:

“Kiểm toán là việc nghiên cứu và kiểm tra các tài khoản niên độ của một tổ chức do một người độc lập, đủ danh nghĩa gọi là một kiểm toán viên tiến hành để khẳng định rằng những tài khoản đó phản ánh đúng đắn tình hình tài chính thực tế, không che dấu sự gian lận và chúng được trình bày theo mẫu chính thức của luật định”

Hoặc theo quan điểm của các chuyên gia kiểm toán Hoa Kỳ:

“Kiểm toán là một quá trình mà qua đó một người độc lập có nghiệp vụ tập hợp và đánh giá rõ ràng về thông tin có thể lượng hóa có liên quan đến một thực thể kinh tế riêng biệt nhằm mục đích xác định và báo cáo mức độ phù hợp giữa thông tin có thể lượng hóa với những tiêu chuẩn đã được thiết lập”.

1.1.2. Kiểm toán là kiểm tra kế toán

Theo quan điểm này kiểm toán đồng nghĩa với kiểm tra kế toán, một chức năng của kế toán, một thuộc tính cố hữu của kế toán. Nội dung của hoạt động này là rà soát lại các thông tin chứng từ kế toán đến tổng hợp cân đối kế toán.

Đây là quan điểm mang tính truyền thống trong điều kiện kiểm tra chưa phát triển và trong cơ chế tập trung. Theo cơ chế này, Nhà nước vừa là chủ sở hữu vừa thực hiện trực tiếp lãnh đạo nền kinh tế. Do đó, chức năng kiểm tra của Nhà nước được thực hiện trực tiếp với mọi thực thể kinh tế - xã hội thông qua nhiều khâu như: kiểm tra kế hoạch, kiểm tra thực hiện kế hoạch, xét duyệt hoàn thành kế hoạch, kiểm tra tài chính thường xuyên thông qua “giám sát viên của Nhà nước ở tại các xí nghiệp” là các kế toán trưởng có thể xem xét duyệt kế toán và thanh tr vụ việc cụ thể .

1.1.3. Kiểm toán là khoa học kiểm toán độc lập

Từ khi chuyển đổi cơ chế kinh tế với nhiều thành phần kinh tế, mở rộng hợp tác đầu tư. Nhà nước lúc này không còn là chủ sở hữu duy nhất, sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước bằng kế hoạch, bằng kiểm tra trực tiếp,... không thể thực hiện đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, với các nhà đầu tư nước ngoài.

Các nhà đầu tư, khách hàng, người lao động cần có thông tin chính xác và trung thực từ tài liệu kế toán của các doanh nghiệp để định hướng được hoạt động kinh doanh và đầu tư của mình vào doanh nghiệp, trong khi đó họ không có đội ngũ các chuyên gia kế toán đông đảo như Nhà nước. Vì vậy, công tác kiểm tra cần được thực hiện rộng rãi, đa dạng nhưng thông tin đưa ra phải khách quan, khoa học, đủ sức thuyết phục và tạo niềm tin cho những người quan tâm. Trong xu thế đó cần phải có một tổ chức độc lập và kiểm tra các thông tin đó một cách khách quan và chính xác. Vì vậy, kiểm toán được tách khỏi hoạt động của kế toán và hình thành khoa học kiểm toán độc lập để phù hợp với xu hướng phát triển tất yếu của lịch sử.

Sự hình thành kiểm toán thành một khoa học độc lập nhưng không loại trừ các tác nghiệp kiểm tra thường xuyên của kế toán (trong từng nghiệp vụ kế toán và bằng các phương pháp kế toán). Kiểm toán đã có đối tượng và phương pháp nghiên cứu riêng.

Trong quá trình phát triển, kiểm toán không chỉ kiểm toán bảng khai tài chính hay tài liệu kế toán mà còn kiểm toán nhiều lĩnh vực khác nhau như hiệu quả hoạt động kinh tế, hiệu năng của quản lý xã hội, hiệu lực của hệ thống pháp lý trong từng loại hoạt động,... Theo quan điểm hiện đại, phạm vi kiểm toán rất rộng bao gồm những lĩnh vực chủ yếu sau:

- Kiểm toán về thông tin hướng vào việc đánh giá tính trung thực và hợp pháp của các tài liệu làm cơ sở pháp lý cho việc giải quyết các mối quan hệ về kinh tế tạo niềm tin cho những người quan tâm đến tài liệu kế toán.

- Kiểm toán tính quy tắc hướng vào việc đánh giá tình hình thực hiện các chế độ, thể lệ, luật pháp của đơn vị kiểm tra trong quá trình hoạt động.

- Kiểm toán hiệu quả có đối tượng trực tiếp là các yếu tố, các nguồn lực trong từng loại nghiệp vụ kinh doanh: mua bán, sản xuất hay dịch vụ,... Kiểm toán loại này giúp ích trực tiếp cho việc hoạch định chính sách và phương hướng, giải pháp cho việc hoàn thiện hoặc cải tổ hoạt động kinh doanh của đơn vị được kiểm toán.

- Kiểm toán hiệu năng được đặc biệt quan tâm ở khu vực công cộng nơi mà lợi ích và hiệu quả không còn giữ nguyên vẹn ý nghĩa của nó trong doanh nghiệp, nơi mà năng lực quản lý cần được đánh giá toàn diện, bổ sung thường xuyên. Những loại kiểm toán này cũng cần và có thể ứng dụng đối với quản lý toàn bộ doanh nghiệp hoặc đối với từng bộ phận quản lý của mọi đơn vị kiểm toán.

Các quan điểm trên không hoàn toàn đối lập nhau mà phản ánh quá trình phát triển của cả thực tiễn và lý luận về kiểm toán

1.2. Khái niệm về kiểm toán

Khái niệm về kiểm toán được chấp nhận phổ biến hiện nay là:

“ Kiểm toán là quá trình thu thập, đánh giá bằng chứng về những thông tin được kiểm tra nhằm xác định và báo cáo về mức độ phù hợp giữa những thông tin đó với các

chuẩn mực đã được thiết lập. Quá trình kiểm toán phải được thực hiện bởi các kiểm toán viên đủ năng lực và độc lập”.

Các thuật ngữ trong định nghĩa trên được hiểu như sau:

- *Thông tin được kiểm tra*: có thể là báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, tờ khai nộp thuế, quyết toán ngân sách của các doanh nghiệp nhà nước,... Kết quả kiểm toán sẽ giúp cho người sử dụng đánh giá độ tin cậy của thông tin này.

- *Các chuẩn mực được thiết lập*: là cơ sở để đánh giá các thông tin được kiểm tra, chúng thay đổi tùy theo thông tin được kiểm tra. Chẳng hạn, như đối với báo cáo tài chính của đơn vị, kiểm toán dựa vào các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, còn đối với tờ khai nộp thuế thì chuẩn mực để đánh giá sẽ là Luật thuế,...

- *Bằng chứng kiểm toán*: là các thông tin để chứng minh cho ý kiến nhận xét của kiểm toán viên. Đó có thể là các tài liệu kế toán của đơn vị, các chứng cứ riêng của kiểm toán viên như: thư xác nhận nợ phải thu, kết quả chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, thư xác nhận tiền gửi ngân hàng,... Quá trình kiểm toán bao gồm việc thu thập các bằng chứng cần thiết và đánh giá xem những bằng chứng đó đã đầy đủ, thích hợp cho việc đưa ra ý kiến trên báo cáo kiểm toán hay chưa?

- *Báo cáo kiểm toán*: là văn bản trình bày ý kiến của kiểm toán viên về sự phù hợp giữa thông tin được kiểm tra và chuẩn mực đã được thiết lập. Nội dung, hình thức báo cáo phụ thuộc vào mục đích của báo cáo phụ thuộc vào mục đích của từng loại kiểm toán. Ví dụ khi kiểm toán báo cáo tài chính của một doanh nghiệp, kiểm toán viên phải nêu được báo cáo tài chính đó có được lập phù hợp với các chuẩn mực và hợp lý với tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp hay không?

- *Kiểm toán viên phải có đầy đủ năng lực và độc lập*: Để có thể thực hiện cuộc kiểm toán đảm bảo chất lượng. Năng lực của kiểm toán viên là trình độ nghiệp vụ được hình thành qua đào tạo, tích lũy kinh nghiệm giúp cho kiểm toán viên có khả năng xét đoán công việc trong từng trường hợp cụ thể. Sự độc lập với đơn vị kiểm toán là yêu cầu cần thiết để duy trì sự khách quan của kiểm toán viên và tạo được niềm tin của người sử dụng thông tin kiểm toán.

2. Chức năng của kiểm toán

2.1. Chức năng xác minh

Đây là chức năng cơ bản của kiểm toán, để xác minh hay xác nhận về một hoạt động nào đó thông thường phải có những chuyên gia độc lập bên ngoài kiểm tra và xác nhận.

Đây là chức năng **được hình thành gắn liền với sự ra đời, hình thành và phát triển của kiểm toán.** Chức năng này không ngừng phát triển cùng với sự phát triển của xã hội nói chung và kiểm toán nói riêng. Đồng thời, **chức năng này luôn thể hiện ở các mức độ khác nhau trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Từ thời kỳ đầu, khi kiểm toán ra đời chức năng này được thể hiện dưới dạng chứng thực báo cáo tài chính (kiểm toán cổ điển), sau này**

chức năng này mới phát triển mạnh mẽ và được thể hiện cao hơn dưới dạng báo cáo kiểm toán.

2.2. Chức năng bày tỏ ý kiến

Chức năng này còn được gọi là chức năng tư vấn. Đây là chức năng phát sinh, hình thành sau chức năng xác minh. Chức năng bày tỏ ý kiến cũng có quá trình phát triển riêng của nó. Cùng với sự phát triển của kiểm toán, mỗi chức năng xác minh không thể đáp ứng được yêu cầu của các nhà quản lý. Do đó, sau khi xuất hiện chức năng xác minh thì chức năng bày tỏ ý kiến ra đời. Ở thời kỳ ban đầu chức năng này thể hiện dưới dạng thư quản lý. Trong quá trình phát triển chức năng này cũng có những thay đổi theo từng giai đoạn lịch sử nhất định.

Chức năng này chỉ phát triển mạnh vào giữa thế kỷ 20 nhưng giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế thị trường phát triển cao như hiện nay.

Qua hai chức năng này của kiểm toán ta thấy, kiểm toán nhìn nhận đánh giá một cách toàn diện cả về quá khứ và tương lai. Về quá khứ, đối với các sự kiện đã nảy sinh, kiểm toán với tư cách là người kiểm tra xác minh sự việc đã hoàn thành nhằm đáp ứng yêu cầu của người sử dụng thông tin. Như vậy, chức năng kiểm toán xác nhận hay xác minh là chức năng hướng về quá khứ. Mặt khác, để đáp ứng yêu cầu của người sử dụng thông tin trong tương lai, kiểm toán lại có thêm chức năng bày tỏ ý kiến (có thể hiểu chức năng này là chức năng tư vấn, hướng dẫn các đơn vị kiểm toán thực hiện đúng theo các chuẩn mực). Hai chức năng hình thành và phát triển hoàn toàn khác nhau theo từng thời kỳ lịch sử nhất định. Ở thời kỳ đầu, người ta chỉ quan tâm đến chức năng kiểm tra, xác minh. Nhưng ngày nay, nền kinh tế xã hội ngày càng phát triển, người ta càng quan tâm nhiều hơn đến chức năng tư vấn của kiểm toán. Đó là việc nhìn nhận, định hướng cho tương lai đúng đắn để có những quyết định tối ưu và giành được thắng lợi trong cạnh tranh.

Ngày nay, không chỉ có kiểm toán có chức năng này mà có các tổ chức khác nhau cũng thực hiện chức năng này như : các tổ chức tư vấn về pháp luật, tư vấn về thuế,... để đáp ứng nhu cầu về thông tin của các nhà quản lý.

3. Ý nghĩa của kiểm toán

3.1. Kiểm toán góp phần tạo niềm tin cho những người quan tâm

- Các cơ quan nhà nước: cần thông tin trung thực để điều tiết vĩ mô nền kinh tế bằng hệ thống pháp luật hay chính sách kinh tế với mọi thành phần kinh tế, mọi hoạt động xã hội.

- Các nhà đầu tư: cần có tài liệu tin cậy để trước hết có hướng đầu tư đúng đắn, sau đó điều hành sử dụng vốn đầu tư, có tài liệu trung thực về phân chia kết quả đầu tư.

- Người lao động: cần có thông tin đáng tin cậy về kết quả kinh doanh, phân chia, thực hiện chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm.

- Khách hàng, nhà cung cấp và những người quan tâm khác: cần hiểu rõ thực chất về kinh doanh, tài chính của các đơn vị được kiểm toán về số lượng, chất lượng sản phẩm hàng hóa, cơ cấu vốn, tài sản, khả năng thanh toán,...

- Các nhà quản trị doanh nghiệp và các nhà quản lý: cần có các thông tin trung thực không chỉ trên các bảng khai tài chính mà còn là các thông tin cụ thể về tài chính, hiệu quả, hiệu năng của mỗi bộ phận để có những quyết định trong từng giai đoạn.

3.2. Kiểm toán góp phần hướng nghiệp vụ

Các hoạt động, nhất là hoạt động tài chính đều bao gồm những mối quan hệ đa dạng, luôn biến đổi và được cấu thành bởi hàng loạt nghiệp vụ cụ thể. Để các nghiệp vụ này giải quyết tốt các mối quan hệ trên, không chỉ cần có định hướng đúng, thực hiện tốt mà còn phải thường xuyên xem xét việc thực hiện để hướng các nghiệp vụ vào quỹ đạo mong muốn. Hơn nữa, chính định hướng và tổ chức thực hiện cũng chỉ được thực hiện tốt trên cơ sở những bài học từ xem xét, uốn nắn thường xuyên những lệch lạc trong quá trình thực hiện.

Hoạt động tài chính bao gồm nhiều mối quan hệ về đầu tư, kinh doanh, phân phối, thanh toán. Tính phức tạp của hoạt động này càng tăng lên bởi quan hệ chặt chẽ giữa quan hệ tài chính với lợi ích của con người. Trong khi đó, thông tin kế toán không chỉ phản ánh toàn bộ các hoạt động tài chính mà còn là sản phẩm của quá trình xử lý thông tin tài chính bằng những phương pháp kỹ thuật đặc thù. Do đó, nhu cầu hướng dẫn nghiệp vụ, củng cố nề nếp trong quản lý tài chính đòi hỏi thường xuyên và ở mức độ ngày càng cao.

Ở nước ta đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế, có các quan hệ tài chính, chế độ kế toán thay đổi nhiều lần cùng với sự phát triển của các thành phần kinh tế, các hoạt động kinh doanh khác nhau ở các tổ chức kinh tế - xã hội khác nhau thì cần được hướng dẫn một cách thường xuyên về nghiệp vụ để thực hiện các chế độ, chính sách về tài chính, kế toán một cách đúng đắn và phù hợp.

Trong khi đó, ở nhiều nơi và nhiều lúc, công tác kiểm tra, kiểm soát chưa chuyển hướng kịp thời, dẫn tới tình trạng vi phạm pháp luật, nhiều chính sách chế độ trong kế toán, tài chính bị vi phạm, nhiều tổ chức kế toán và đơn vị kinh doanh ngoài quốc doanh không thực hiện các chế độ kế toán. Đặc biệt, ở thời kỳ đầu của công cuộc đổi mới kinh tế đã có quan điểm cho rằng chưa thể tiến hành công tác kiểm tra khi chưa triển khai toàn diện và rộng khắp công tác kế toán. Tuy nhiên, thực tiễn đã chỉ rõ, chỉ có triển khai tốt các công tác kiểm toán thì mới có thể nhanh chóng đưa công tác tài chính, kế toán đi vào nề nếp. Thực tiễn đó đã chứng minh rõ tác dụng hướng dẫn nghiệp vụ và củng cố nề nếp tài chính kế toán của kiểm toán.

3.3. Kiểm toán góp phần nâng cao hiệu quả và hiệu năng quản lý

Kiểm toán không chỉ xác minh độ tin cậy của thông tin mà còn tư vấn về quản lý. Vai trò này đặc biệt rõ trong các đơn vị được kiểm toán thường xuyên. Trong điều kiện nước

ta thực hiện các bước chuyển đổi cơ chế kinh tế, nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì có nhiều quan hệ mới, phức tạp trong hoạt động tài chính kế toán nảy sinh, có thể thấy rằng tính phức tạp của các quan hệ này xuất phát từ những đặc trưng của nền kinh tế thị trường. Lợi nhuận là mục tiêu cuối cùng, công bằng xã hội, phúc lợi xã hội không còn đủ các điều kiện thuận lợi để duy trì và phát triển trong cơ chế thị trường thuần túy. Cạnh tranh là quy luật đạt tới lợi nhuận, các thành phần kinh tế cùng tồn tại, cạnh tranh và bình đẳng trước pháp luật.

Trong điều kiện đó hệ thống pháp lý chưa hoàn chỉnh, các hành lang pháp lý về kinh tế chưa thật sự phù hợp, kinh nghiệm và chuyên gia giỏi về quản lý chưa có nhiều. Để duy trì kỷ cương và đảm bảo phát triển đúng hướng chỉ có thể thực hiện trên cơ sở xây dựng đồng bộ và tổ chức thực hiện tốt kiểm toán trên mọi lĩnh vực để trên cơ sở tích lũy kinh nghiệm từ xác minh đi đến tư vấn cho mọi hoạt động trong mọi lĩnh vực hoạt động nhằm giúp các nhà quản lý biết được những sai sót vi phạm trong quản lý từ đó có biện pháp chỉnh sửa để nâng cao hiệu quả và hiệu năng trong quản lý.

4. Mục đích và phạm vi của kiểm toán

4.1. Mục đích của kiểm toán

Trong nền kinh tế thị trường các thông tin tài chính có độ tin cậy, chính xác và trung thực hết sức cần thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với các chủ thể trong các hoạt động kinh tế. Kiểm toán độc lập hình thành nhằm đáp ứng nhu cầu này của nền kinh tế.

Luật pháp nhiều nước khẳng định rằng, chỉ những báo cáo đã được xem xét và có chữ ký của kiểm toán viên độc lập mới được coi là hợp pháp, làm cơ sở cho nhà nước tính thuế cũng như các bên quan tâm khác đưa ra các quyết định kinh tế trong mối quan hệ với doanh nghiệp.

Ở nước ta, trong Quy chế về kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị định số 07/CP ngày 29/1/1994 của Chính phủ đã chỉ rõ “Sau khi có xác nhận của kiểm toán viên chuyên nghiệp thì các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các đơn vị kế toán là căn cứ cho việc điều hành, quản lý hoạt động ở đơn vị, cho các cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính nhà nước xét duyệt quyết toán hàng năm của các đơn vị kế toán, cho cơ quan thuế tính toán số thuế và các khoản phải nộp khác của đơn vị đối với ngân sách Nhà nước, cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh, các khách hàng và các tổ chức, cá nhân xử lý các mối quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong quá trình hoạt động của đơn vị”.

Như vậy, mục đích tổng quát của kiểm toán là cung cấp sự đảm bảo cho bên thứ ba là những người sử dụng các thông tin tài chính rằng các thông tin họ được cung cấp có trung thực, hợp lý hay không. Trong nền kinh tế thị trường, có nhiều đối tượng khác nhau sử dụng kết quả kiểm toán với những mục đích khác nhau.

Đối với Ngân hàng, những đối tượng cho vay vốn, họ cần biết rằng số vốn họ cho vay có được sử dụng đúng mục đích hay không, tình hình tài chính của đơn vị có cho thấy khả năng hoàn trả hay không. Đối với cơ quan thuế, căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán để tính và thu thuế, tương tự, đối với các cơ quan chức năng cũng căn cứ vào báo cáo tài chính được kiểm toán để thực hiện chức năng của mình.

Đối với doanh nghiệp được kiểm toán mong muốn, thông qua kiểm toán, có được báo cáo tài chính phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), phát hiện và ngăn ngừa các sai sót và gian lận.

Đối với chủ sở hữu doanh nghiệp, các cổ đông họ cần biết một cách đầy đủ, đúng đắn về kết quả kinh doanh, Tóm lại, kiểm toán phải mang lại sự thoả mãn cho những người sử dụng kết quả kiểm toán sự tin cậy, mức độ trung thực của các thông tin tài chính mà họ được cung cấp.

Ngoài ra, theo luật Kiểm toán Nhà nước Việt Nam thì mục đích của kiểm toán Nhà nước là nhằm phục vụ việc kiểm tra, giám sát của Nhà nước trong quản lý và sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước.

4.2. Phạm vi kiểm toán

Để hình thành ý kiến nhận xét về các báo cáo tài chính, kiểm toán viên phải có được các căn cứ vững chắc cũng như các thông tin cốt yếu trong công việc ghi chép kế toán và các nguồn số liệu đáng tin cậy khác đã được dùng làm cơ sở cho việc xây dựng các báo cáo tài chính, hay nói cách khác, kiểm toán viên phải có đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do vậy phạm vi kiểm toán sẽ là những công việc, thủ tục kiểm toán cần thiết mà kiểm toán viên xác định và thực hiện trong quá trình kiểm toán để thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp cho ý kiến kiểm toán hay nói như chuẩn mực kiểm toán là để đạt được mục tiêu kiểm toán. Những công việc, thủ tục kiểm toán sẽ phụ thuộc vào nội dung kiểm toán, tuy nhiên những thủ tục kiểm toán này phải được xác định trên cơ sở chuẩn mực kiểm toán, phù hợp với yêu cầu của tổ chức nghề nghiệp, phù hợp với pháp luật và các thoả thuận trong hợp đồng kiểm toán. Các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp được thu thập thông qua các thủ nghiệm kiểm soát và thử nghiệm cơ bản và bằng các phương pháp như kiểm tra, quan sát, điều tra, xác nhận, tính toán và qui trình phân tích. Việc thực hiện các phương pháp này một phần tùy thuộc vào thời gian thu thập các bằng chứng kiểm toán.

Xác định phạm vi kiểm toán có ý nghĩa quan trọng, mà trước hết các đơn vị được kiểm toán cần có những hiểu biết nhất định về kiểm toán, yêu cầu của kiểm toán và việc các kiểm toán viên tiến hành các thủ tục kiểm toán mà họ cho là cần thiết theo đó tạo điều kiện, cung cấp đầy đủ cho kiểm toán viên. Việc các đơn vị được kiểm toán không thực hiện đúng các thoả thuận trong hợp đồng kiểm toán, lẩn tránh trách nhiệm hoặc từ chối cung cấp những thông tin, bằng chứng cần thiết, hay ngăn chặn công việc của kiểm toán

viên đều dẫn đến việc phạm vi kiểm toán bị giới hạn, trong trường hợp này, nếu kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác một cách hợp lý, khi đó cần đưa ra ý kiến từ chối. Tuy nhiên đôi khi do hạn chế về thời gian, hoàn cảnh cũng có thể dẫn đến phạm vi kiểm toán bị giới hạn. Trong những trường hợp như vậy, kiểm toán viên phải cố gắng tìm ra các phương pháp hợp lý để thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để có thể nêu ý kiến “chấp nhận toàn bộ” trong báo cáo kiểm toán. Nếu không, tùy theo tính chất, mức độ trọng yếu và các bằng chứng bổ sung mà kiểm toán viên đánh giá mức độ cần thiết để đưa ra ý kiến phù hợp.

5. Các loại kiểm toán

Những người sử dụng khác nhau trong nền kinh tế có các yêu cầu khác nhau đối với thông tin được kiểm toán. Vì vậy, các loại kiểm toán hình thành và các loại chủ thể kiểm toán khác nhau cũng được ra đời để đáp ứng những yêu cầu đó.

5.1. Phân loại kiểm toán theo chức năng

5.1.1 Kiểm toán hoạt động

Kiểm toán hoạt động là một quá trình đánh giá có hệ thống về sự hữu hiệu, tính hiệu quả, và tính kinh tế của các hoạt động dưới sự kiểm soát của nhà quản lý và báo cáo cho các cá nhân thích hợp về kết quả của việc đánh giá, đồng thời đưa ra những kiến nghị để cải tiến.

Ở đây, sự hữu hiệu là mức độ hoàn thành nhiệm vụ hay mục tiêu; tính hiệu quả được tính bằng cách so sánh giữa kết quả đạt được và nguồn lực đã sử dụng.

Đối tượng của kiểm toán hoạt động rất đa dạng, đó có thể là tính hiệu quả của hoạt động mua hàng của toàn đơn vị hay việc đạt mục tiêu của bộ phận sản xuất, một chương trình hoặc đi sâu xem xét từng mặt hoạt động của một phân xưởng hay một dự án,...

Do tính đa dạng của kiểm toán hoạt động nên người ta không thể đưa ra các chuẩn mực chung để đánh giá mà chuẩn mực sẽ được xác lập tùy theo từng đối tượng của cuộc kiểm toán, tuy nhiên vẫn phải dựa vào các văn bản pháp quy có liên quan. Vì vậy, việc kiểm tra và đưa ra ý kiến phụ thuộc vào quan điểm của kiểm toán viên.

5.1.2. Kiểm toán tuân thủ

Kiểm toán tuân thủ là hoạt động xác minh và bày tỏ ý kiến về mức độ tuân thủ hay chấp hành luật pháp của Nhà nước, các nguyên tắc, thể lệ, chế độ và quy định của đơn vị được kiểm toán.

Loại kiểm toán này có thể là kiểm toán của cơ quan thuế về việc chấp hành luật thuế của doanh nghiệp, sự kiểm tra của cơ quan kiểm toán Nhà nước đối với các đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc là việc kiểm tra mức độ tuân thủ các quy chế ở những đơn vị trực thuộc do cơ quan cấp trên tiến hành. Ngoài ra, có thể là những doanh nghiệp ký kết hợp đồng mời một tổ chức kiểm toán thực hiện về việc chấp hành một số điều khoản trong hợp đồng của từng bên.

Chuẩn mực dùng để đánh giá là những văn bản liên quan đến vấn đề kiểm toán như luật thuế, các văn bản pháp quy, các hợp đồng,...

5.1.3. Kiểm toán tài chính

Kiểm toán tài chính là hoạt động xác minh và bày tỏ ý kiến về các Bảng khai tài chính, được thực hiện bởi những người có chuyên môn, trình độ, có đạo đức tương xứng dựa trên cơ sở hệ thống pháp lý có hiệu lực.

Đó là kiểm tra và đưa ra ý kiến về sự trình bày trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính của một đơn vị. Do báo cáo tài chính được lập theo các chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán hiện hành nên chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp quy liên quan được sử dụng làm căn cứ xác minh trong kiểm toán tài chính.

Kết quả kiểm toán tài chính sẽ phục vụ cho đơn vị nhà nước, các bên thứ ba, nhưng chủ yếu là phục vụ cho các bên thứ ba như cổ đông, nhà đầu tư, ngân hàng,... để họ đưa ra những quyết định kinh tế của mình.

Ngoài ra, trên thực tế còn có những hình thức kiểm toán kết hợp các loại kiểm toán trên.

5.2. Phân loại kiểm toán theo chủ thể kiểm toán

5.2.1. Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ là bộ máy tổ chức của các kiểm toán viên không chuyên nghiệp, tiến hành hoạt động kiểm toán phục vụ cho mục đích quản lý nội bộ đơn vị.

Kiểm toán do nhân viên của đơn vị thực hiện, họ có thể thực hiện cả ba loại kiểm toán nói trên với thế mạnh là kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động. Để có thể hoạt động hữu hiệu, bộ phận kiểm toán nội bộ phải được tổ chức độc lập với bộ phận được kiểm toán. Tuy nhiên, thông tin kiểm toán nội bộ chỉ có giá trị đối với đơn vị kiểm toán, không đạt được độ tin cậy đối với người bên ngoài đơn vị.

Phạm vi của kiểm toán nội bộ rất đa dạng, tùy thuộc vào quy mô, cơ cấu tổ chức của đơn vị cũng như yêu cầu quản lý của đơn vị. Thông thường kiểm toán nội bộ thực hiện trên các lĩnh vực sau:

- Kiểm tra về thiết kế và vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện chúng
- Kiểm toán báo cáo với nội dung kiểm tra, xác nhận tính kịp thời, đầy đủ, khách quan, mức độ tin cậy trên các báo cáo kế toán (bao gồm cả báo cáo quản trị) trước khi ký duyệt và công bố; kiểm tra, phân tích đánh giá các thông tin trên báo cáo kế toán để đưa ra các kiến nghị, đề xuất cho các nhà quản lý doanh nghiệp.
- Kiểm tra việc khai thác, huy động và sử dụng các nguồn lực; kiểm tra tính hiệu quả và tính hiệu lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra việc chấp hành các thể lệ, chế độ kế toán; kiểm tra việc thực hiện các quyết định, quy định của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị cũng như các quy định và pháp luật của Nhà nước.

5.2.2. Kiểm toán Nhà nước

Kiểm toán Nhà nước là hệ thống bộ máy chuyên môn của Nhà nước thực hiện chức năng kiểm toán đối với các đơn vị, tổ chức có sử dụng Ngân sách Nhà nước, tài sản công.

Kiểm toán nhà nước là do các công chức Nhà nước tiến hành, chủ yếu thực hiện kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ. Thông qua các cuộc kiểm toán tuân thủ mà kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các chính sách, chế độ, quy định của nhà nước tại đơn vị. Một nhiệm vụ quan trọng của kiểm toán Nhà nước là kiểm toán quyết toán sử dụng ngân sách của các tỉnh, thành phố trước khi trình Quốc hội. Đồng thời, cũng kiểm toán báo cáo quyết toán của các Bộ, các cơ quan Quốc hội, tòa án, viện kiểm sát và các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công, các đoàn thể có sử dụng ngân sách nhà nước, các cơ quan nhà nước,... Công việc kiểm toán Nhà nước được tiến hành hàng năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thông qua việc kiểm tra, kiểm toán nhà nước sẽ nhận xét đánh giá, nhận xét việc chấp hành chính sách, chế độ quản lý tài chính nói chung, thể lệ kế toán nói riêng. Từ đó làm căn cứ để cải tiến các chế độ, chính sách phù hợp với từng thời kỳ phát triển của đất nước.

Về mặt tổ chức, kiểm toán Nhà nước là một cơ quan trực thuộc Chính phủ.

5.2.3. Kiểm toán độc lập

Kiểm toán độc lập là bộ máy tổ chức của các kiểm toán viên chuyên nghiệp, chuyên cung cấp các dịch vụ kiểm toán và các dịch vụ khác có liên quan như tư vấn kế toán, tư vấn thuế, tài chính, tuyển dụng và đào tạo

“Kiểm toán độc lập là việc kiểm tra và xác nhận của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán về tính trung thực và hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, tổ chức (gọi chung là đơn vị được kiểm toán) khi có yêu cầu của các đơn vị này”

(NĐ 105 về kiểm toán độc lập trong nền kinh tế)

Kiểm toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực với các nội dung rất đa dạng, phong phú nhưng nội dung chủ yếu là kiểm toán báo cáo tài chính. Kiểm toán báo cáo tài chính là loại dịch vụ phổ biến nhất đối với các công ty. Ngoài ra, các công ty kiểm toán độc lập còn cung cấp các dịch vụ khác như dịch vụ tư vấn quản lý, dịch vụ tư vấn kế toán, tư vấn thuế,...

Mục đích của kiểm toán độc lập là xác định độ tin cậy của báo cáo tài chính.

Trong nền kinh tế thị trường, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo tài chính được nhiều đối tượng sử dụng, nhưng người sử dụng chủ yếu là các bên thứ ba, họ thường

chỉ tin cậy kết quả kiểm toán báo cáo tài chính của kiểm toán độc lập do sự độc lập của kiểm toán viên. Vì vậy, vai trò của kiểm toán viên độc lập trở nên rất cần thiết và khó thay thế.

Với mục đích như vậy, kiểm toán độc lập mang những đặc trưng sau:

- Hoạt động của công ty kiểm toán chuyên nghiệp là hoạt động kinh doanh với mục đích là sinh lời, vì kinh doanh nên có thu phí, khách hàng phải trả phí cho cuộc kiểm toán.
- Chủ thể kiểm toán là các kiểm toán viên độc lập, được cấp chứng chỉ hành nghề hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Kiểm toán độc lập mang tính tự nguyện không gắn liền với các hình thức xử lý.
- Kiểm toán độc lập có tính pháp lý cao, đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng thông tin và tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế.

Hiện nay, thuật ngữ kiểm toán thường được hiểu là kiểm toán độc lập, kiểm toán viên cũng được hiểu là kiểm toán viên độc lập. Cho nên, khi đọc đến khái niệm về kiểm toán và kiểm toán viên thì được hiểu đó là khái niệm kiểm toán độc lập và kiểm toán viên độc lập. Bên cạnh đó, thuật ngữ kiểm toán viên cũng dùng để chỉ người chịu trách nhiệm chính và ký tên trên báo cáo kiểm toán.

6. Kiểm toán viên

6.1. Khái niệm

Kiểm toán viên là người có chứng chỉ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp, có đăng ký hành nghề tại một công ty kiểm toán độc lập, tham gia vào quá trình kiểm toán, được ký vào báo cáo kiểm toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật và giám đốc công ty kiểm toán về cuộc kiểm toán.

6.2. Tiêu chuẩn của kiểm toán viên

Người Việt Nam phải có các tiêu chuẩn quy định tại điều 13 Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/03/2004 của Chính phủ mới được gọi là kiểm toán viên, gồm:

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.
- Có bằng cử nhân chuyên ngành kinh tế - tài chính - ngân hàng hoặc chuyên ngành kế toán - kiểm toán, có thời hạn công tác thực tế về tài chính, kế toán từ 5 năm trở lên hoặc có thời gian làm trợ lý kiểm toán ở doanh nghiệp kiểm toán từ 4 năm trở lên.
- Có khả năng sử dụng tiếng nước ngoài thông dụng, sử dụng thành thạo máy vi tính.
- Có chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp.

Những người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán, kiểm toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về kế toán, kiểm toán cấp được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận thì phải đạt kỳ thi sát hạch về pháp luật kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán Việt Nam do Bộ Tài chính tổ chức và được cấp Chứng chỉ kiểm toán viên thì được công nhận là kiểm toán viên.

6.3. Phân loại kiểm toán viên

6.3.1. Kiểm toán viên nội bộ

Thường là những người làm nghề kiểm toán không chuyên nghiệp, họ có thể là những kế toán viên giỏi, những nhà quản lý có kinh nghiệm, những kỹ thuật viên có hiểu biết về những lĩnh vực có liên quan đến kiểm toán. Tuy nhiên, những người này cũng cần có trình độ nghiệp vụ tương xứng.

6.3.2. Kiểm toán viên nhà nước

Là công chức nhà nước làm nghề kiểm toán, họ được tuyển chọn và hoạt động cho tổ chức Kiểm toán Nhà nước.

Phải có đủ các tiêu chuẩn của cán bộ công chức nhà nước theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và các tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
- Có bằng cử nhân chuyên ngành kinh tế - tài chính - ngân hàng, chuyên ngành kế toán - kiểm toán, luật hoặc có chuyên ngành liên quan trực tiếp đến hoạt động kiểm toán;
- Có gian công tác liên tục từ 5 năm trở lên theo chuyên ngành đã được đào tạo hoặc có thời gian làm nghiệp vụ kiểm toán ở Kiểm toán Nhà nước từ 3 năm trở lên;
- Đã tốt nghiệp chương trình bồi dưỡng kiểm toán viên nhà nước và được Tổng kiểm toán Nhà nước cấp chứng chỉ.

Các chức danh Kiểm toán Nhà nước:

- Kiểm toán viên dự bị
- Kiểm toán viên
- Kiểm toán viên chính
- Kiểm toán viên cao cấp

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm kế toán viên, kiểm toán viên chính do Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định theo quy định của pháp luật. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm kế toán viên, kiểm toán viên cao cấp do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo quy định của pháp luật.

6.3.3. Kiểm toán viên độc lập

Hầu hết các quốc gia đều đòi hỏi kiểm toán viên có trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức nhất định. Vì vậy, nếu muốn hành nghề kiểm toán độc lập, các ứng viên thường phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định của quốc gia đó.

Có thể có sự khác biệt giữa các quốc gia nhưng thông thường đạt các tiêu chuẩn nhất định, họ sẽ được cấp chứng chỉ quốc gia, được hành nghề tại một tổ chức kiểm toán. Ở mỗi quốc gia danh xưng của các kiểm toán viên độc lập lại khác nhau, chẳng hạn ở Hoa Kỳ, Canada, Trung Quốc,... họ được gọi là kế toán viên công chứng (Certified Public Accountant - CPA), ở Anh, Scotland gọi là giám định viên kế toán (Chartered Accountant

- CA), ở Pháp là chuyên viên kế toán (Commissaires aux Comptes), ở Việt Nam gọi là Kiểm toán viên độc lập. Ngoài lĩnh vực kiểm toán, họ có thể hoạt động trong những lĩnh vực khác như: dịch vụ kế toán, tư vấn quản lý,...

Tại Việt Nam, kiểm toán viên độc lập phải đạt được các tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ. (điều 13 nghị định 105/2004)

6.4. Trách nhiệm - quyền hạn của kiểm toán viên độc lập

6.4.1. Trách nhiệm của kiểm toán viên độc lập

- Chấp hành các nguyên tắc hoạt động kiểm toán quy định
- Trong quá trình thực hiện dịch vụ, kiểm toán viên không được gây trở ngại hoặc can thiệp vào công việc điều hành của đơn vị đang được kiểm toán.
- Ký vào báo cáo kiểm toán và chịu trách nhiệm về hoạt động nghề nghiệp của mình.
- Thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp. Thực hiện chương trình cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính.
- Kiểm toán viên vi phạm điều cấm của luật thì căn cứ vào mức độ và tính chất vi phạm mà bị tạm đình chỉ, cấm vĩnh viễn đăng ký hành nghề kiểm toán hoặc phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

6.4.2. Quyền hạn của kiểm toán viên

Theo điều 16 và 17 Nghị định số 105/2004/NĐ - CP ngày 30/03/2004 của Chính phủ về kiểm toán độc lập có quy định về quyền hạn của kiểm toán viên hành nghề như sau:

- Độc lập về chuyên môn nghiệp vụ;
- Được thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và các dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán quy định tại Điều 22 của Nghị định này.
- Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu kế toán và các tài liệu, thông tin khác có liên quan đến hợp đồng dịch vụ;
- Kiểm tra, xác nhận các thông tin kinh tế, tài chính có liên quan đến đơn vị được kiểm toán ở trong và ngoài đơn vị.
- Đề nghị các đơn vị, cá nhân có thẩm quyền giám định về mặt chuyên môn hoặc làm tư vấn khi cần thiết.
- Trong quá trình kiểm toán nếu phát hiện đơn vị được kiểm toán có hiện tượng vi phạm pháp luật, kiểm toán viên có quyền kiến nghị và thông báo đơn vị có biện pháp sửa chữa sai phạm và có quyền ghi ý kiến của mình vào báo cáo kiểm toán.
- Từ chối làm kiểm toán cho khách hàng nếu thấy không đủ năng lực chuyên môn, không đủ điều kiện hoặc vi phạm quy định.